

Số: 81/2023/QĐST-HNGĐ.

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Chí Nguyễn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Hồng Nhung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp:

Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28-4-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;

Mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 22-02-2023, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 67/2023/QĐPH-ST ngày 19-4-2023, giữa các đương sự:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh L.V.N, sinh năm 1982. Hộ chiếu số N2298448 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 10-12-2020. Nơi đăng ký NKTT: Xã LL, huyện TB, tỉnh PT. Hiện ở: #303 dongdaejon-ro 256 beon gil 33-16 Dong-gu Daejeon –si, Hàn Quốc. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Chị N.T.T.H, sinh năm 1989. CCCD số 025189009443 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 18-12-2021. Nơi đăng ký NKTT: Khu 5, xã LL, huyện TB, tỉnh PT. Hiện ở: Số 628 Đường LT, phường GV, quận BD, Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Anh L.V.N và chị N.T.T.H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04-3-2013 tại Ủy ban nhân dân xã LL, huyện TB, tỉnh PT. Sau khi kết hôn, tháng 3-2013 vợ chồng cùng sang Hàn Quốc sinh sống và làm việc. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Tháng 8-2021, chị H trở về Việt Nam, anh N vẫn tiếp tục sinh sống, làm việc tại Hàn Quốc. Nay, anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là L.N.L, sinh ngày 23-9-2013; L.H, sinh ngày 30-01-2018 và L.T.A, sinh ngày 16-11-2021. Hiện nay cả ba con đều đang ở với bố mẹ anh N là bà L.T.T tại xã LL, huyện TB, tỉnh PT. Anh chị

thống nhất thỏa thuận giao cả 03 con chung cho anh L.V.N chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: vợ chồng tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự đều xác nhận tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về lệ phí ly hôn: Chị N.T.T.H tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp:

Chị N.T.T.H có mặt và trình bày giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị và trình bày: về con chung, sau khi sinh con, anh chị đều gửi con về cho bố mẹ anh N chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, các cháu đang ở với ông bà nội ổn định. Bản thân chị H đang đi làm thuê tại Hà Nội và ở nhà thuê, không có nơi ở ổn định, sức khỏe không tốt, thời gian và thu nhập không đảm bảo để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do vậy, anh chị thống nhất giao cả ba con chung cho anh L.V.N và ông bà nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để anh chị ổn định cuộc sống.

Anh L.V.N đang ở nước ngoài, không thể về Việt Nam, đã có Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, xin giải quyết vắng mặt gửi đến Tòa án. Tại Kết luận giám định số 62/KL-KTHS ngày 20-3-2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chữ ký, chữ viết dòng họ tên L.V.N dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A3) với chữ ký, chữ viết dòng họ tên L.V.N dưới chữ ký trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) và chữ ký tại cột “Signature” trên mẫu so sánh (ký hiệu M2) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng: Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự; người yêu cầu là anh L.V.N đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Quyền và nghĩa vụ các đương sự đã được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên họp.

Về nội dung: Nội dung các đương sự đã thống nhất thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự. Ghi nhận thỏa thuận về việc nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Căn cứ ý kiến của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ việc có đương sự là anh L.V.N đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết yêu cầu của các đương sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh L.V.N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình cảm: Anh L.V.N và chị N.T.T.H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04-3-2013 tại Ủy ban nhân dân xã L.L, huyện TB, tỉnh Phú Thọ nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng đi lao động tại Hàn Quốc từ năm 2013. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp với nhau. Tháng 8/2021, chị H đã về Việt Nam sống từ đó đến nay. Nay, anh chị đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, thời gian sống ly thân đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự. Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, thì việc các đương sự thỏa thuận thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Anh L.V.N và chị N.T.T.H có 03 con chung là cháu L.N.L, sinh ngày 23-9-2013; cháu L.H, sinh ngày 30-01-2018 và cháu L.T.A, sinh ngày 16-11-2021. Hiện nay cả ba con đều đang ở với bố mẹ anh N là bà L.T.T tại xã LL, huyện TB, tỉnh Phú Thọ. Chị H trình bày hiện công việc không ổn định, thu nhập ít, sức khỏe không tốt. Cả ba con đang ở với ông bà nội ổn định. Do vậy, chị từ chối nuôi cả ba con chung, anh chị thống nhất giao cả 03 con chung cho anh L.V.N chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: vợ chồng tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh L.V.N và chị N.T.T.H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung; không có nghĩa vụ chung về tài sản và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí ly hôn: Ghi nhận việc chị N.T.T.H tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38, Điều 149; Điều 370, Điều 371 và Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quyết định:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh L.V.N và chị N.T.T.H. Anh L.V.N và chị N.T.T.H chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu L.N.L, sinh ngày 23-9-2013; cháu L.H, sinh ngày 30-01-2018 và cháu L.T.A, sinh ngày 16-11-2021. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao 03 con chung cho anh L.V.N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của chị N.T.T.H cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Chị N.T.T.H được đi lại, thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh N và chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét. Dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung vợ chồng cho các đương sự trong một vụ án khác (nếu có).

4. Về án phí, lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Ghi nhận việc chị N.T.T.H tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0001455 ngày 21-02-2023 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Chị N.T.T.H đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 28-4-2023./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hà Nội;
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- UBND xã Lương Lỗ, h. Thanh Ba, t. Phú Thọ;
- Người yêu cầu;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Hoàng Chí Nguyễn